TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Kho
2. Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Thôn Đ3, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Thôn Thôn Đ3, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/12/2017 và bản tự khai ngày 09/01/2018 chị C trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Đinh Văn H từ năm 1993, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 17 năm. Tuy nhiên trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 do phong cách sống không còn phù hợp, anh H sống không chung thủy, không có trách nhiệm đến vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con là Đinh Thị H1, sinh ngày 16/7/1994 và Đinh Thế H2, sinh ngày 05/5/1996 hiện nay cả 02 con đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H trình bày tại bản tự khai ngày 15/01/2018: Anh tự nguyện chung sống với chị Đoàn Thị C từ năm 1993, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 17 năm. Tuy nhiên trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 do phong cách sống không còn phù hợp, mất niềm tin, nghi ngờ nhau trong làm ăn kinh tế và quan hệ xã hội. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù anh và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị C bỏ về mẹ đẻ ở từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh xin ly hôn chị C.

Về con chung: Có 02 con là Đinh Thị H, sinh ngày 16/7/1994 và Đinh Thế H, sinh ngày 05/5/1996. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị C tự nguyện chung sống với anh H từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong làm ăn kinh tế và quan hệ bạn bè. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Hai người sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả hai anh chị đều xin ly hôn.

Căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị Đoàn Thị C và anh Đinh Văn H là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Đinh Thị H1, sinh ngày 16/7/1994 và Đinh Thế H2, sinh ngày 05/5/1996 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 17 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ năm 2010 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong làm ăn kinh tế và quan hệ bạn bè xã hội, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả 02 anh chị đều xin ly hôn.

Căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật

Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần xử tuyên bố không công nhận chị C và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đinh Thị H1, sinh ngày 16/7/1994 và Đinh Thế H2, sinh ngày 05/5/1996. Hiện nay cả 02 con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đoàn Thị C và anh Đinh Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA.0006108 ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị C đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền